CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông (HNX: VC3)

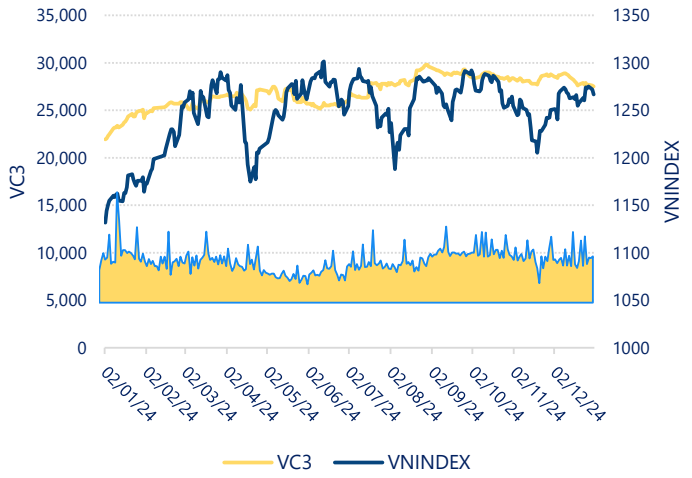
FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

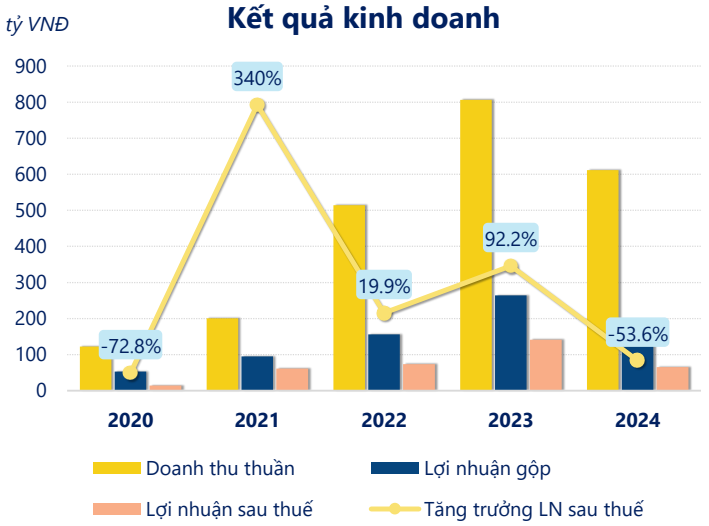
Ngày 31/12/2024	27,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.2%	-3.5%	4.2%

	2024	YoY
DT thuần	611 *tỷ VNĐ*	▼ 195 ▼ 24.2%
LN gộp	177 *tỷ VNĐ*	▼ 87.0 ▼ 33.1%
LN thuần	114 *tỷ VNĐ*	▼ 63.0 ▼ 35.7%
LN sau thuế	65.5 *tỷ VNĐ*	▼ 75.5 ▼ 53.6%
ROE	4.8%	+/- YoY ▼ 6.3%
ROA	2.0%	+/- YoY ▼ 2.0%

Lịch sử giá

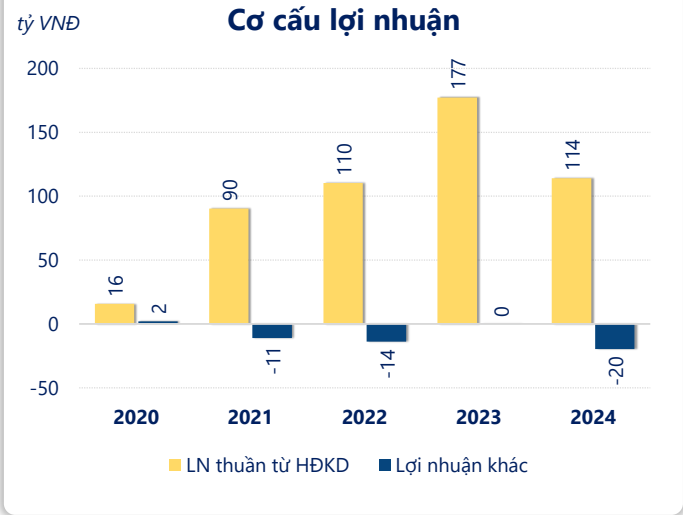


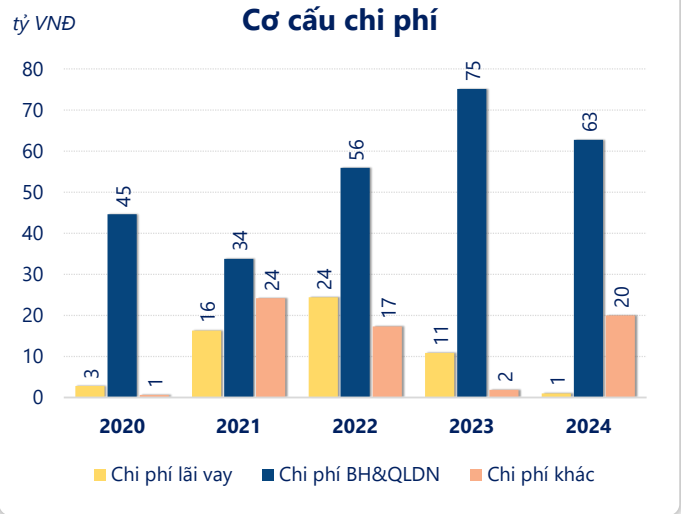
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **VC3** ghi nhận doanh thu thuần **611.4** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **65.51** tỷ đồng, lần lượt **giảm 24.2%** và **giảm 53.6%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **4.77%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

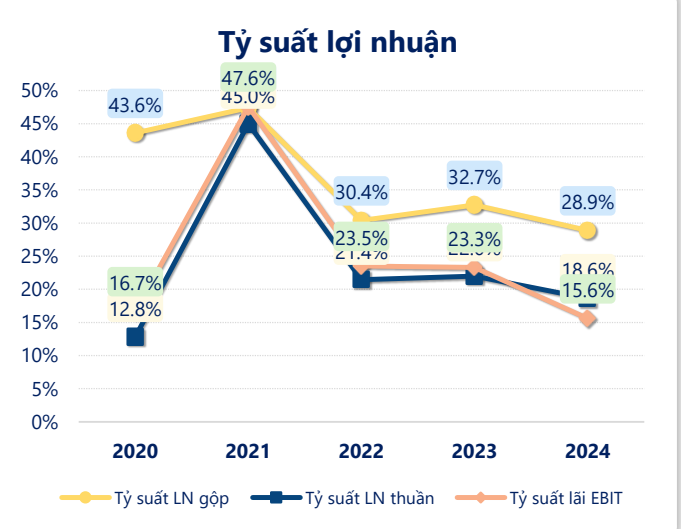


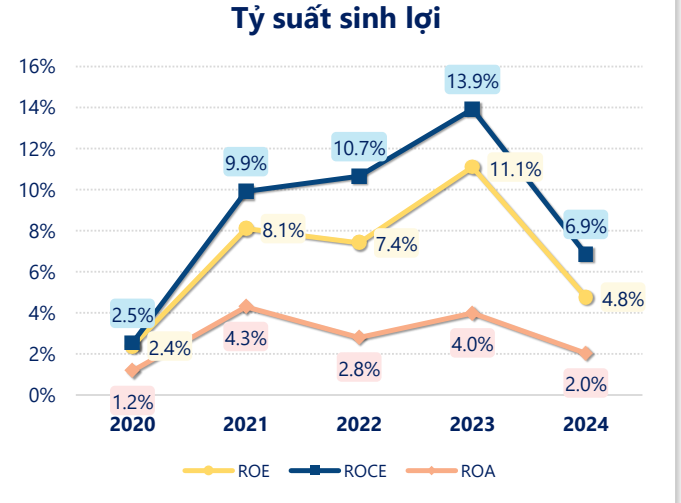


Năm **2024**, **VC3** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **114.0** tỷ đồng, **giảm đi 63.22** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (101.5 tỷ đồng) là 12.48 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

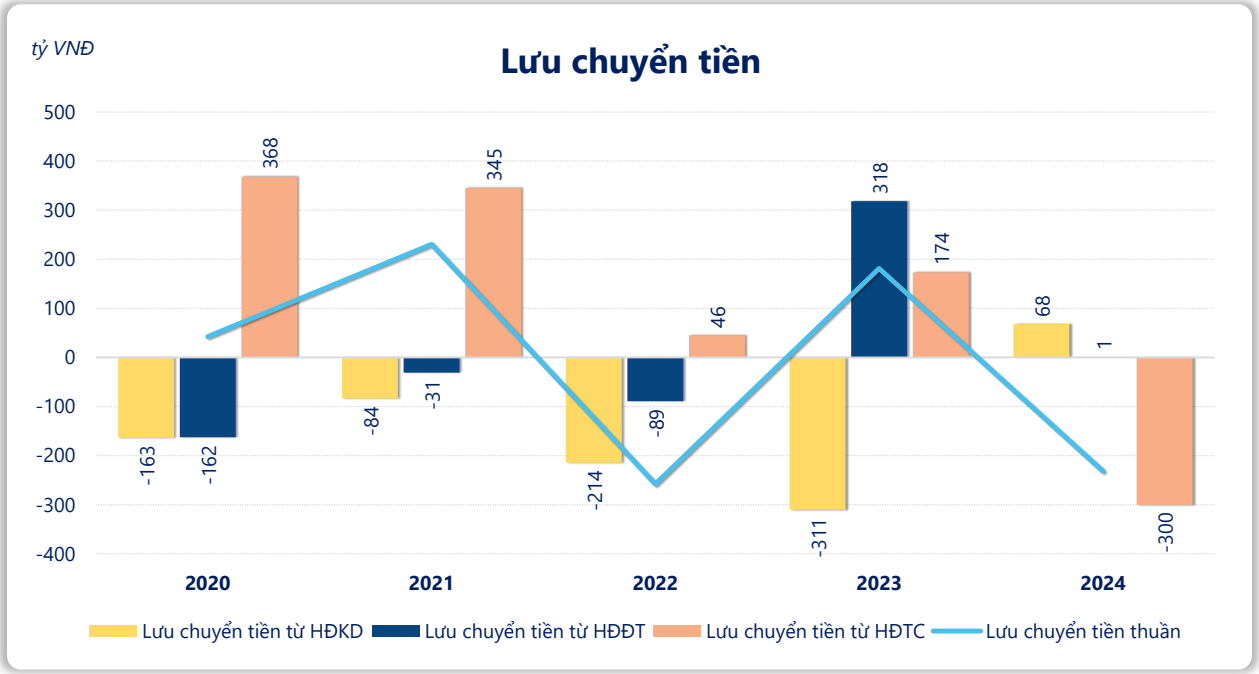
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **1.00** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **62.72** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **20.00** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VC3 năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **4.77%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**122**	**201**	**514**	**806**	**611**
Giá vốn hàng bán	68.9	106	358	542	435
Lợi nhuận gộp	**53.2**	**95.2**	**156**	**264**	**177**
Doanh thu HĐTC	9.84	45.2	34.3	5.15	1.02
Chi phí TC	2.81	16.3	24.4	16.8	1.00
Chi phí lãi vay	**2.81**	**16.3**	**24.4**	**10.8**	**1.00**
LN trong công ty LKLD	0	0	0.06	0.14	0.09
Chi phí bán hàng	1.00	0	23.8	38.2	31.4
Chi phí QLDN	43.6	33.8	32.0	37.0	31.3
LN thuần từ HĐKD	**15.6**	**90.4**	**110**	**177**	**114**
Lợi nhuận khác	1.92	-11.1	-13.7	0.04	-19.6
LN trước thuế	**17.6**	**79.3**	**96.5**	**177**	**94.4**
Lợi nhuận sau thuế	**13.9**	**61.3**	**73.4**	**141**	**65.5**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.9**	**61.2**	**73.4**	**141**	**65.5**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VC3 bằng **-231.4** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (181.1 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **68.18** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **0.87** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-300.4** tỷ đồng.